TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 796/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: "ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 334/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Tuyết S**, sinh năm 1979; cư trú: D, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Lê Tấn B**, sinh năm 1975; cư trú tại: D, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết S trình bày:**

Bà Võ Thị Tuyết S và ông Lê Tấn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87/HT-TP Quyển số 01/2004 cấp ngày 27/07/2004. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, nguyên nhân do

bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, bà S đã cố gắng khắc phục và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn. Hiện nay, bà S và ông B sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà S nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không còn, nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn B.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Võ Thiên T, sinh ngày 02/12/1999 và cháu Lê Võ Thiên T1, sinh ngày 22/9/2012. Ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Tấn B:** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Tuyết S đối với ông Lê Tấn B; giao các con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Võ Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn B. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà S là nguyên đơn, ông B là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo văn bản xác minh ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì ông Lê Tấn B đang cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Võ Thị Tuyết S đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Tấn B đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết S và ông Lê Tấn B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/HT-TB ngày 27/7/2004, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà S xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà S khai, bà và ông Lê Tấn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87/HT-TP Quyển số 01/2004 ngày 27/07/2004. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, bà S đã cố gắng khắc phục và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn. Hiện nay, bà S và ông B sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 05 năm 2024, Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B xác định vợ chồng bà S và ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ vì các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Từ khi bà S gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa bà S và ông B đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông B bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà S xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà S xác định có 02 con chung là cháu Lê Võ Thiên T, sinh ngày 02/12/1999 và cháu Lê Võ Thiên T1, sinh ngày 22/9/2012. Ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông B vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ về điều kiện để nuôi con. Ông B cũng không có ý kiến phản bác về các yêu cầu nêu trên của bà S. Ngoài ra, tại các bản tự khai của cháu T1 thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, giao cháu T1 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà S không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T hiện nay đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà S xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông B không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông B không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết S đối với bị đơn ông Lê Tấn B.

Bà Võ Thị Tuyết S được ly hôn với ông Lê Tấn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Võ Thiên T1, sinh ngày 22/9/2012 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Võ Thiên T, sinh ngày 02/12/1999, đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

Ông Lê Tấn B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Tuyết S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003045 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà S đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị N

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị N